

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Ông Vũ Khắc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thư, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hằng N; nơi cư trú: Số C Đ, phường M, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Phạm Mạnh C; nơi đăng ký thường trú: Số A L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, nơi tạm trú: Số A gác 3 Cầu thang 1, khu tập thể 5 tầng ngõ B T, phường N (nay là phường A) quận L, thành phố Hải Phòng; hiện đang thi hành án tại Đội 17, phân trại 1 Trại Giam T1 – Cục A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hằng N và anh Phạm Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 10/9/2003. Cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C nghiện ma túy và buôn bán ma túy bị bắt thi hành án tù năm 2012 đến năm 2021, một mình chị H phải lo lắng cuộc sống và nuôi con. Đến ngày 17/02/2023 anh C lại bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang thi hành án tại Trại Giam T1, Cục A, Bộ C1. Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Mạnh C.

Về con chung: Chị Phạm Thị Hằng N và anh Phạm Mạnh C có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010. Chị H nhận nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Mạnh C vắng mặt trong các buổi làm việc do đang thi hành án tại Trại Giam T1, Cục A nhưng đã có bản tự khai (có xác nhận của Trại giam) gửi Tòa án với nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị N đã trình bày, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy. Hiện nay anh C đang phải chấp hành án phạt tù 30 tháng tại trại giam T1, cục C2 Bộ C1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010. Anh đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo pháp luật. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, anh sẽ thực hiện khi có điều kiện.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Phạm Mạnh C, có ĐKTT tại số A L, phường L, quận N, Hải Phòng. Từ năm 2012 anh C đã chuyển đến sinh sống tại Số A gác C Cầu T, khu tập thể 5 tầng ngõ B T, phường N (nay là phường A) quận L, thành phố Hải Phòng.

Ý kiến của bố đẻ anh C thể hiện: Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh C. Về con chung, anh chị có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh năm 2010 hiện đang ở với chị N, gia đình không có ý kiến gì về việc này.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên quan điểm như nội dung nêu trên. Anh C vắng mặt đã được công bố các lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, xây dựng, lập hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị N và anh C là hợp pháp; cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh C. Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010, do anh C đang thi hành án trong trại giam nên không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì vậy giao con chung cho chị N nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:
- + Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 14/8/2024 Toà án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý vụ án do bị đơn anh C có ĐKKHTT tại A L, N, Hải Phòng. Tuy nhiên, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Từ năm 2012 anh C đã chuyển đến sinh sống tại Số A gác C Cầu T, khu tập thể 5 tầng ngõ B T, phường N (nay là phường A) quận L, thành phố Hải Phòng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án nhân dân quận Ngô Quyền chuyển vụ án cho Toà án nhân dân quận Lê Chân giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- + Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh C vắng do đang phải chấp hành án tại trại giam, tuy nhiên anh C đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh C.

- Về nội dung vụ án:
- + Về quan hệ hôn nhân.

[3] Chị Phạm Thị Hằng N và anh Phạm Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C nghiện ma túy, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình, nhiều lần vi phạm pháp luật hình sự. Lần vi phạm gần nhất là ngày 17/02/2023, anh C bị bắt và hiện đang thi hành án tại Trại Giam T1, Cục A, Bộ C1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy với mức án 30 tháng tù.

[5] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giải quyết cho chị N được ly hôn anh C.

+ Về con chung:

[6] Chị Phạm Thị Hằng N và anh Phạm Mạnh C có 01 con chung là Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010. Xét thấy, anh C hiện đang phải thi hành án phạt tù, không có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung Phạm Đức T đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, mặt khác gia đình anh C không có ý kiến gì về việc con chung đang ở với chị N. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cho con chung, chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con: Giao con chung Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010 cho chị N nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[7] Chị Phạm Thị Hằng N và anh Phạm Mạnh C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[8] Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hằng N được ly hôn anh Phạm M C.
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Đức T, sinh ngày 02/5/2010 cho chị Phạm Thị Hằng N nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Hằng N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003174 ngày 14/8/2024. Chị Phạm Thị Hằng N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Phạm Thị Hằng N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Phạm Mạnh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Đường sự;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng (ĐKKH ngày 10/9/2003);
- VKS ND TP Hải Phòng;
- Tòa án ND TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hậu

